***Chú ý*** *nếu bạn vẫn thấy xuất hiện 1 số từ tiếng Anh - đó là do chúng tôi không tìm được từ tiếng Việt tương ứng, việc dịch thẳng sang tiếng Việt sẽ làm giảm sự ý nghĩa và làm cho tài liệu khó hiểu hơn. bạn nên tiếp tục đọc thêm các đọan kế sẽ dần hiểu rõ ý nghĩa của từ tiếng Anh tương ứng.*

**Một file có định dạng HTML là gì?**

- HTML là chữ viết tắt của Hyper Text Markup Language (Ngôn ngữ hiển thị siêu văn bản).

- Một file HTML là một file text bao gồm những tag nhỏ

- Những tag hiển thị nói cho trình duyệt biết nó phải hiển thị trang đó như thế nào

- Một file HTML phải có phần mở rộng là .htm hoặc .html

- Một file HTML có thể được tạo bởi một trình soạn thảo đơn giản.

**Bạn có muốn thử không?**

Nếu bạn sử dụng Window hãy mở Notepad, nếu bạn sử dụng Mac mở ứng dụng Simple Text. Với OSX bạn mở TextEdit và thay đổi lựa chọn sau: Select (trong cửa sổ preference) > Plain Text thay vì Rich Text và chọn "Ignore rich text commands in HTML files". Việc này rất quan trọng bởi vì nếu bạn không làm vậy thì code HTML có thể không đúng.

Sau đó bạn gõ vào những dòng sau:

|  |
| --- |
| *<html> <head> <title>Viet Photoshop</title> </head> <body>* [*www.dainamelectric.co*](http://www.dainamelectric.co) *and www.bantayden.com. <b>Photoshop and web design resources </b> </body> </html>* |

Lưu file lại với tên là "mypage.htm" vào desktop cũng được. Sau đó bạn đóng trình soạn thảo Notepad hoặc Simple Text lại và tìm đến file mypage.htm ở desktop rồi nhấp đúp vào trình duyệt sẽ hiển thị nội dung của trang.   
  
**Giải thích ví dụ trên:**

Thẻ đầu tiên trong tài liệu HTML là <html>. Thẻ này nói cho trình duyệt biết đây là điểm khởi đầu của một tài liệu HTML. Thẻ cuối cùng của tài liệu là </html>, thẻ này nói cho trình duyệt biết đây là điểm kết thúc của văn bản.

Đoạn chữ nằm giữa hai thẻ <head> và </head> là thông tin của header. Thông tin header sẽ không được hiển thị trên cửa sổ trình duyệt.   
Đoạn chữ nằm giữa cặp thẻ <title> là tiêu đề của văn bản. Dòng tiêu đề này sẽ xuất hiện ở thanh trạng thái của trình duyệt web.   
Đoạn chữ nằm giữa hai thẻ <body> là những gì nó sẽ thể hiện trên trình duyệt của bạn.

Đoạn chữ nằm giữa hai thẻ <b> và </b> sẽ xuất hiện dưới dạng đậm

**Phần mở rộng là HTM hay HTML?**

Khi bạn lưu một văn bản dưới dạng HTML, bạn có thể sử dụng cả hai dạng là .htm và .html. Chúng ta đã sử dụng dạng .htm trong ví dụ trên. Lý do này bắt nguồn từ nguyên nhân ngày trước là có những phần mềm chỉ cho phép phần mở rộng có tối đa là 3 chữ cái. Với những phần mềm mới hiện nay chúng ta nghĩ sẽ tốt hơn nếu bạn lưu lại với phần mở rộng là .html  
  
*Một chú ý khi sử dụng trình soạn thảo HTML*:

Bạn có thể dễ dàng chỉnh sửa một tài liệu HTML bằng cách sử dụng WYSIWYG (what you see is what you get = thấy gì có đó) như là Frontpage, Claris Homepage, Dream weaver hoặc Adobe PageMill thay vì bạn phải tự viết những cặp thẻ từ đầu đến cuối. Nhưng nếu bạn muốn trở thành một web master đầy kỹ thuật, tôi khuyên bạn nên sử dụng những trình soạn thảo text đơn giản để học và làm quen với cấu trúc câu lệnh của HTML.  
  
**Những câu hỏi thường gặp**

**Q**: Sau khi tôi đã chỉnh sửa một file HTML, nhưng tôi không thể xem được kết quả ở trình duyệt. Tại sao vậy?  
**A**: Bạn phải chắc rằng bạn đã lưu file đó với phần mở rộng là .htm hoặc .html, như ở ví dụ trên là mypage.htm.

**Q**: Tôi đã thử chỉnh sửa file HTML của tôi nhưng lại không thấy thay đổi gì ở trình duyệt cả. Tại sao vậy?  
**A**: Trình duyệt tự động cach trang của bạn do đó nó không phải đọc cùng một trang hai lần. Khi bạn thay đổi gì đó ở một trang, trình duyệt nó không thể nhận ra được những thay đổi đó. Sử dụng nút refresh hoặc reload của trình duyệt để bắt nó đọc lại những thay đổi bạn tạo ra.

**Q**: Tôi nên sử dụng trình duyệt nào?  
**A**: Bạn có thể thực tập tất cả những bài thực hành trong phần này với những trình duyệt thông dụng như Internet Explorer, Mozilla, Netscape hoặc Opera. Tuy nhiên, một vài ví dụ trong phần nâng cao đòi hỏi bạn phải có phiên bản mới nhất của trình duyệt.

**Q**: Tôi bắt buộc phải sử dụng Window sao? còn Mac thì sao?  
**A**: Bạn có thể thực tập tất cả những bài thực hành trong phần này với hệ điều hành không phải là Windows như Mac. Tuy nhiên một vài ví dụ trong phần nâng cao đòi hỏi bạn phải có phiên bản mới hơn của Windows, như là Window98 hoặc Windows 2000.

**Thành phần của HTML**  
  
**Các dạng thẻ HTML**

* Thẻ HTML dùng để viết lên những thành tố HTML
* Thẻ HTML được bao quanh bởi hai dấu lớn hơn < và > nhỏ hơn.
* Những thẻ HTML thường có một cặp giống như <b> và </b>
* Thẻ thứ nhất là thẻ mở đầu và thẻ thứ hai là thẻ kết thúc.
* Dòng chữ ở giữa hai thẻ bắt đầu và kết thúc là nội dung.
* Những thẻ HTML không phân biệt in hoa và viết thường, ví dụ dạng <b> và <B> đều như nhau,

**Thành phần HTML**  
Nhớ lại ví dụ ở trên của chúng ta về HTML

|  |
| --- |
| *<html> <head> <title>Viet Photoshop</title> </head> <body> www.dainamelectric.com and www.bantayden.com. <b>Photoshop and web design resources </b> </body> </html>* |

*<b>Photoshop and web design resources </b>*

Thành phần của HTML bắt đầu với thẻ: <b>  
Nội dung của nó là: *Photoshop and web design resources*Thành phần của HTML kết thúc với thẻ: </b>  
Mục đích của thẻ <b> là để xác định một thành phần của HTML phải được thể hiện dưới dạng **in đậm**  
  
Đây cũng là một thành phần của HTML:

|  |
| --- |
| *<body> www.dainamelectric.com and www.bantayden.com. <b>Photoshop and web design resources </b> </body>* |

Phần này bắt đầu bằng thẻ bắt đầu <body> và kết thúc bằng thẻ kết thúc </body>. Mục đích của thẻ <body> là xác định thành phần của HTML bao gồm nội dung của tài liệu.  
  
**Các thuộc tính của thẻ HTML**

Những thẻ HTML đều có những thuộc tính riêng. Những thuộc tính này cung cấp thông tin về thành phần HTML của trang web. Tag này xác định thành phần thân của trang HTML: <body>. Với một thuộc tính thêm vào là bgcolor, bạn có thể báo cho trình duyệt biết rằng màu nền của trang này là màu đỏ, giống như sau: <body bgcolor="red"> hoặc <body bgcolor="#E6E6E6"> (#E6E6E6 là giá trị hex của màu)

Thẻ này sẽ xác định dạng bảng HTML:<table> với một thuộc tính đường viền (border), bạn có thể báo cho trình duyệt biết rằng bảng sẽ không có đường viền: <table border="0">

Thuộc tính luôn luôn đi kèm một cặp như name/value: name="value" (tên="giá trị")  
thuộc tính luôn luôn được thêm vào thẻ mở đầu của thành phần HTML.

**Dấu ngoặc kép, "red" hoặc 'red'**Giá trị thuộc tính nên được đặt trong dấu trích dẫn " và ". Kiểu ngoặc kép như vậy thì phổ biến hơn, tuy nhiên kiểu đơn như ' và ' cũng có thể được dùng. Ví dụ trong một vài trường hợp đặc biệt hiếm, ví dụ như giá trị thuộc tính đã mang dấu ngoặc kép rồi, thì việc sử dụng ngoặc đơn là cần thiết. Ví du

name='ban"tay"den'

**Cơ bản về các thẻ HTML**  
Những thẻ quan trọng nhất trong HTML là những thẻ xác định Heading, đoạn văn và xuống dòng.

**Headings**  
Headings được định dạng với hai thẻ <h1> đến <h6>. <h1> xác định heading lớn nhất. <h6> xác định heading nhỏ nhất

|  |
| --- |
| <h1>Đây là heading</h1> <h2>Đây là heading</h2> <h3>Đây là heading</h3> <h4>Đây là heading</h4> <h5>Đây là heading</h5> <h6>Đây là heading</h6> |

HTML sẽ tự động thêm một dòng trắng trước và sau mỗi heading.

**Đoạn văn - paragraphs**  
Paragraphs được định dạng bởi thẻ <p>.

|  |
| --- |
| <p>Đây là đoạn văn</p> <p>Đây là một đoạn văn khác</p> |

HTML sẽ tự động thêm một dòng trắng trước và sau mỗi heading.  
  
**Line Breaks - xuống dòng**  
Thẻ <br> được sử dụng khi bạn muốn kết thúc một dòng nhưng lại không muốn bắt đầu một đoạn văn khác. Thẻ <br> sẽ tạo ra một lần xuống dòng khi bạn viết nó.

|  |
| --- |
| <p>Đây <br> là một đo<br>ạn văn với thẻ xuống hàng</p> |

Thẻ <br> là một thẻ trống, nó không cần thẻ đóng dạng </br>  
  
**Lời chú thích trong HTML**Thẻ chú thích được sử dụng để thêm lời chú thích trong mã nguồn của HTML. Một dòng chú thích sẽ được bỏ qua bởi trình duyệt. Bạn có thể sử dụng chú thích để giải thích về code của bạn, để sau này bạn có phải quay lại chỉnh sửa gì thì cũng dễ nhớ hơn.

|  |
| --- |
| <!-- Chú thích ở trong này --> |

Bạn cần một dấu chấm than ! ngay sau dấu nhỏ hơn nhưng không cần ở dấu lớn hơn.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Những thẻ HTML cơ bản**   |  |  | | --- | --- | | **Tag** | **Mô Tả** | | <html> | Xác định một văn bản dạng HTML | | <body> | Xác định phần thân của tài liệu | | <h1> to <h6> | Xác định header từ 1 đến 6 | | <p> | Xác định một đoạn văn | | <br> | Chèn một dòng trắng | | <hr> | Xác định một đường thẳng | | <!--> | Xác định vùng chú thích | | |

**Một vài ví dụ**

[Các dạng của đoạn văn bản](http://www.w3schools.com/html/tryit.asp?filename=tryhtml_paragraphs2)  
Ví dụ này giải thích thêm về vài thuộc tính của đoạn văn bản.   
  
[Line breaks](http://www.w3schools.com/html/tryit.asp?filename=tryhtml_paragraphs)  
Ví dụ này giải thích về cách sử dụng thẻ xuống hàng

[Vấn đề với căn chỉnh dạng bài thơ](http://www.w3schools.com/html/tryit.asp?filename=tryhtml_poem)  
Ví dụ này cho bạn thấy một vài vấn đề về căn chỉnh của HTML

[Headings](http://www.w3schools.com/html/tryit.asp?filename=tryhtml_headers)  
  
[Heading căn lề giữa](http://www.w3schools.com/html/tryit.asp?filename=tryhtml_header)  
  
[Đường thẳng ngang](http://www.w3schools.com/html/tryit.asp?filename=tryhtml_hr)  
  
[Lời chú thích ẩn](http://www.w3schools.com/html/tryit.asp?filename=tryhtml_comment)  
Ví dụ này giải thích cách thêm một đoạn chú thích vào mã nguồn của HTML  
  
[Màu nền](http://www.w3schools.com/html/tryit.asp?filename=tryhtml_bodybgcol)

**Định dạng chữ bằng HTML**

HTML có thể dùng để định dạng văn bản như ta làm với Word như **đậm,** *nghiêng* hoặcgạch chân

Dưới đây là một vài ví dụ bạn có thể tự mình thử.  
  
**Một vài ví dụ**

[Text formatting](http://www.w3schools.com/html/tryit.asp?filename=tryhtml_formattingch)  
  
[Preformatted text](http://www.w3schools.com/html/tryit.asp?filename=tryhtml_pre)  
Ví dụ này giải thích cách nào bạn có thể điều khiển xuống hàng và khoảng trống với Pre tag.  
  
["Computer output" tags](http://www.w3schools.com/html/tryit.asp?filename=tryhtml_computeroutput)  
  
[Địa chỉ](http://www.w3schools.com/html/tryit.asp?filename=tryhtml_address)  
Ví dụ này hướng dẫn bạn cách tạo một địa chỉ trong HTML

[Chữ viết tắt](http://www.w3schools.com/html/tryit.asp?filename=tryhtml_abbr)  
Ví dụ này hướng dẫn bạn cách sử dụng kiểu viết tắt.

[Hướng chữ](http://www.w3schools.com/html/tryit.asp?filename=tryhtml_bdo)  
  
[Trích dẫn](http://www.w3schools.com/html/tryit.asp?filename=tryhtml_q)  
  
[Chữ bị gạch ngang và chữ chèn](http://www.w3schools.com/html/tryit.asp?filename=tryhtml_del)  
  
**Muốn View source thì làm như thế nào?**  
  
Nếu bạn muốn xem mã nguồn của một trang web bạn chỉ cần nhấp chuột phải > View Source là bạn có thể xem được cấu trúc của trang đó như thế nào.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Những thẻ dùng để định dạng văn bản**   |  |  | | --- | --- | | **Tag** | **Mô Tả** | | [<b>](http://www.w3schools.com/html/html_reference.asp) | Định dạng chữ **đậm** | | [<big>](http://www.w3schools.com/html/html_reference.asp) | Định dạng chữ lớn | | [<em>](http://www.w3schools.com/html/html_reference.asp) | Định dạng kiểu chữ được nhấn mạnh | | [<i>](http://www.w3schools.com/html/html_reference.asp) | Chữ in *nghiêng* | | [<small>](http://www.w3schools.com/html/html_reference.asp) | Chữ nhỏ | | [<strong>](http://www.w3schools.com/html/html_reference.asp) | Chữ đậm | | [<sub>](http://www.w3schools.com/html/html_reference.asp) | định dạng subscripted (chữ nhỏ) | | [<sup>](http://www.w3schools.com/html/html_reference.asp) | Đ5inh dạng superscripted (chữ lên cao) | | [<ins>](http://www.w3schools.com/html/html_reference.asp) | Dạng chữ mới chèn thêm | | [<del>](http://www.w3schools.com/html/html_reference.asp) | Dạng chữ bị xóa | | [<s>](http://www.w3schools.com/html/html_reference.asp) | Hết hỗ trợ. Thay bằng <del> | | [<strike>](http://www.w3schools.com/html/html_reference.asp) | Hết hỗ trợ. Thay bằng <del> | | [<u>](http://www.w3schools.com/html/html_reference.asp) | Gạch dưới |   **"Computer Output" Tags**   |  |  | | --- | --- | | **Tag** | **Mô Tả** | | [<code>](http://www.w3schools.com/html/html_reference.asp) | Định dạng code | | [<kbd>](http://www.w3schools.com/html/html_reference.asp) | Kiểu keyboard text | | [<samp>](http://www.w3schools.com/html/html_reference.asp) | Kiểu sample computer code | | [<tt>](http://www.w3schools.com/html/html_reference.asp) | Kiểu teletype text | | [<var>](http://www.w3schools.com/html/html_reference.asp) | Kiểu a variable | | [<pre>](http://www.w3schools.com/html/html_reference.asp) | Kiểu preformatted text | | <listing> | Hết hỗ trợ. Dùng<pre> thay thế | | <plaintext> | Hết hỗ trợ. Dùng<pre> thay thế | | <xmp> | Hết hỗ trợ. Dùng<pre> thay thế |   **Thẻ Citations, Quotations, và Definition**   |  |  | | --- | --- | | **Tag** | **Mô Tả** | | [<abbr>](http://www.w3schools.com/html/html_reference.asp) | Kiểu tóm tắt | | [<acronym>](http://www.w3schools.com/html/html_reference.asp) | Kiểu viết tắt | | [<address>](http://www.w3schools.com/html/html_reference.asp) | Kiểu địa chỉ | | [<bdo>](http://www.w3schools.com/html/html_reference.asp) | Kiểu chữ định hướng | | [<blockquote>](http://www.w3schools.com/html/html_reference.asp) | Kiểu trích dẫn dài | | [<q>](http://www.w3schools.com/html/html_reference.asp) | Kiểu trích dẫn ngắn | | [<cite>](http://www.w3schools.com/html/html_reference.asp) | 1 kiểu trích dẫn khác | | [<dfn>](http://www.w3schools.com/html/html_reference.asp) | Kiểu định nghĩa | | |

**Các ký tự đặc biệt trong HTML**  
Một vài ký tự tương tự như dấu nhỏ hơn <, có một ý nghĩa đặc biệt trong HTML, và do đó không thể được sử dụng như là chữ được. Do vậy để hiển thị được dấu nhỏ hơn < trong HTML chúng ta phải sử dụng những ký tự đặc biệt. Bởi vì dấu < xác định điểm bắt đầu của một thẻ HTML. Nên nếu bạn muốn trình duyệt hiển thị ký tự đó bạn phải thêm và code của nó những ký tự đặc biệt.  
  
Một ký tự đặc biệt có 3 phần: Ký hiệu (&), tên của ký tự hoặc một dấu # và một dãy số và cuối cùng là dấu chấm phẩy ;  
  
Để hiển thị được dấu nhỏ hơn trong HTML bạn phải viết là &lt; hoặc &#60;  
  
Cái hay của việc sử dụng tên thay vì sử dụng số là vì tên của nó thì dễ nhớ hơn nhiều. Nhưng cái dở lại là không phải trình duyệt nào cũng hỗ trợ những tên mới này, trong khi đó hầu hết các trình duyệt đều có thể nhận ra nó ở dạng số.   
  
Bạn nên chú ý rằng ký tự đặc biệt phân biệt chữ hoa và chữ thường. Ví dụ sau đây sẽ giúp bạn thực nghiệm với những ký tự đặc biệt. Lưu ý bạn rằng những ký tự này chỉ có trong trình duyệt Internet Explorer.

[Xem ví dụ](http://www.w3schools.com/html/tryit.asp?filename=tryhtml_entities)

**Non-breaking space**  
Ký tự được dùng nhiều nhất trong HTML có lẽ là nbsp (non-breaking space)  
  
Thường thì HTML cắt bớt khoảng trống trong chữ của bạn. Ví dụ nếu bạn viết 10 chỗ trống trong text của bạn thì HTML sẽ loại bỏ 9 trong số đó. Để thêm khoảng trống vào chữ của bạn, bạn phải sử dụng ký tự đặc biệt là &nbsp;

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Những ký tự được dùng thường xuyên nhất**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Kết quả** | **Loại** | **Tên của ký tự** | **Số** | |  | một khỏang trắng | &nbsp; | &#160; | | < | nhỏ hơn | &lt; | &#60; | | > | lớn hơn | &gt; | &#62; | | & | dấu và | &amp; | &#38; | | " | ngoắc kép | &quot; | &#34; | | ' | ngoặc đơn | &apos; (does not work in IE) | &#39; |   **Một vài ký tự khác**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Kết quả** | **Loại** | **Tên của ký tự** | **Số** | | ¢ | cent | &cent; | &#162; | | £ | pound | &pound; | &#163; | | ¥ | yen | &yen; | &#165; | | § | section | &sect; | &#167; | | © | copyright | &copy; | &#169; | | ® | registered trademark | &reg; | &#174; | | × | nhân | &times; | &#215; | | ÷ | chia | &divide; | &#247; | | |

**Liên kết HTML**HTML sử dụng siêu liên kết để liên kết những tài liệu khác nhau trên trang web.  
Ví dụ:

[Tạo đường siêu liên kết](http://www.w3schools.com/html/tryit.asp?filename=tryhtml_links)  
Ví dụ này chỉ cho bạn cách tạo siêu liên kết như thế nào

[Một tấm hình như là đường link](http://www.w3schools.com/html/tryit.asp?filename=tryhtml_imglink)  
Ví dụ này hướng dẫn bạn cách dùng hình làm đường liên kết.  
  
**Thẻ Anchor và thuộc tính Href**  
HTML sử dụng thẻ <a> (anchor) để tạo đường liên kết đến một tài liệu khác.  
  
Thẻ anchor có thể liên kết đến bất cứ một tài nguyên nào trên internet, chúng có thể là một trang HTML, một tấm hình, một file nhạc, một bộ phim .v.v.  
  
**Cú pháp để tạo một thẻ anchor**

|  |
| --- |
| <a href="url">Chữ bạn muốn ở đây</a> |

Thẻ <a> được sử dụng để tạo một điểm neo và liên kết bắt đầu từ đó, thuộc tính href được sử dụng để chỉ ra tài liệu sẽ được liên kết đến, và chữ ở xuất hiện ở giữa hai tag < và > sẽ được hiển thị dưới dạng siêu liên kết.  
Điểm neo sau xác định liên kết đến diễn đàn của vietphotoshop.com

|  |
| --- |
| <a href="http://www.vietphotoshop.com/forum">Mời bạn vào diễn đàn của VPTS</a> |

Dòng code ở trên sẽ xuất hiện như sau trong trình duyệt.  
  
Mời bạn vào diễn đàn của VPTS  
  
**Thuộc tính đích đến:**  
Với thuộc tính đích đến, bạn có thể xác định liên kết đến tài liệu khác sẽ được mở ra ở đâu. Dòng code dưới đây sẽ mở tài liệu được liên kết trong một cửa sổ trình duyệt mới.

|  |
| --- |
| <a href="http://www.vietphotoshop.com/forum"target="\_blank">Mời bạn vào diễn đàn của VPTS</a> |

**Thẻ anchor và thuộc tính tên**  
Thuộc tính tên được sử dụng để tạo một điểm neo đã được đặt tên. Khi sử dụng điểm neo đã được đặt tên trước chúng ta có thể tạo ra những đường liên kết mà người đọc có thể nhảy trực tiếp đến một phần cụ thể nào đó trên trang web, thay vì họ phải kéo xuống dưới để tìm thông tin. Một dạng như là bookmark vậy!  
  
Dưới đây là cú pháp của điểm neo được đặt tên trước:

|  |
| --- |
| <a name="Tên">Chữ bạn muốn hiển thị ở đây</a> |

Thuộc tính tên được sử dụng để tạo điểm neo. Tên của điểm neo có thể là bất cứ thứ gì bạn muốn.  
  
Dòng code sau xác định điểm neo được đặt tên trước.

|  |
| --- |
| <a name="Photoshop Tutorial">Tất cả tutorial ở đây</a> |

Bạn có thể nhận ra rằng thẻ anchor được đặt tên trước được hiển thị không có gì đặc biệt. Để trực tiếp liên kết phần Photoshop Tutorial, bạn chỉ phải thêm dấu # và tên của điểm neo và cuối cùng của một URL. Xem ví dụ sau

|  |
| --- |
| <a href="http://www.vietphotoshop.com/#tutorials">Quay lại trang tutorials</a> |

Một đường liên kết đến phần Quay lại trang tutorials TỪ trang "html\_chuong\_3.htm" sẽ như sau:

|  |
| --- |
| <a href="#tutorials">Quay lại trang tutorials</a> |

**Mẹo giúp bạn**  
Luôn luôn thêm một đường dẫn mỗi khi bạn muốn dẫn đến một thư mục con. Nếu bạn để đường liên kết như sau:

href=" *www.dainamelectric.com* " thì bạn sẽ tạo ra 2 lệnh HTTP cho server, bởi vì server sẽ thêm một đường dẫn vào địa chỉ và tạo ra một lệnh mới như sau:

href=" *www.dainamelectric.com”*  
  
Điểm neo được đặt tên thường được sử dụng để tạo Mục Lục tại trang đầu tiên của một tài liệu nhiều trang. Môi chương trong tài liệu đó được cho một điểm neo, và liên kết đến mỗi một điểm neo này sẽ được đặt ở trên cùng của tài liệu.  
  
Nếu trình duyệt không tìm được điểm neo được chỉ ra từ trước, nó sẽ quay lên phần trên cùng của tài liệu.  
  
**Một vài ví dụ**

[Mở liên kết ở một cửa sổ trình duyệt mới](http://www.w3schools.com/html/tryit.asp?filename=tryhtml_link_target)

[Liên kết đến một vị trí trên cùng một trang](http://www.w3schools.com/html/tryit.asp?filename=tryhtml_link_locations)

[Break out of a frame](http://www.w3schools.com/html/tryit.asp?filename=tryhtml_frame_getfree)  
  
[Tạo một liên kết dạng mailto](http://www.w3schools.com/html/tryit.asp?filename=tryhtml_mailto)  
Ví dụ này hướng dẫn bạn cách tạo ra một đường liên kết trực tiếp đến địa chỉ email.  
  
[Tạo một liên kết dạng mailto 2](http://www.w3schools.com/html/tryit.asp?filename=tryhtml_mailto2)  
Phức tạp hơn dạng 1

**HTML Frames**  
Với frame bạn có thể hiển thị nhiều trang web trên cùng một cửa sổ trình duyệt. Mỗi một tài liệu HTML được gọi là một frame, và mỗi frame đều độc lập với những frame khác.  
  
Một vài ví dụ về Frame  
  
[Tập hợp frame chiều dọc](http://www.w3schools.com/html/tryit.asp?filename=tryhtml_frame_cols)  
Ví dụ này hướng dẫn bạn cách tạo một tập hợp frame hàng học với 3 tài liệu khác nhau.  
  
[Tập hợp frame chiều ngang](http://www.w3schools.com/html/tryit.asp?filename=tryhtml_frame_rows)

[Cách sử dụng thẻ <noframe>](http://www.w3schools.com/html/tryit.asp?filename=tryhtml_noframes)  
  
**Những nhược điểm khi sử dụng frame:**  
Người làm web phải theo dõi nhiều tài liệu HTML  
Khó có thể in ấn toàn bộ trang web.  
  
**Thẻ frameset**  
Thẻ <frameset> xác định bạn sẽ chia cửa sổ trình duyệt thành những frame như thế nào. Môi một frame xác định một tập hợp các hàng hoặc cột. Giá trị của hàng hoặc cột chỉ ra diện tích của màn hình mà frame đó sẽ chiếm.   
  
**Thẻ Frame**  
Thẻ <frame> xác định tài liệu HTML nào sẽ được chèn vào mỗi frame.  
Ở ví dụ dưới đây bạn có một frameset với hai cột. Cột thứ nhất được thiết lập là chiếm 25% độ rộng của cửa sổ trình duyệt. Cột thứ hai được thiết lập sẽ chiếm 75% độ rộng của cửa sổ trình duyệt. Tài liệu html tên là "frame\_a.htm" được chèn vào cột thứ nhất, và "frame\_b.htm" được chèn vào cột thứ hai.

|  |
| --- |
| <frameset cols="25%,75%"> <frame src="frame\_a.htm"> <frame src="frame\_b.htm"> </frameset> |

**Mẹo nhỏ giúp bạn**  
Nếu frame của bạn có đường viền thì người dùng có thể định lại kích thước bằng cách kéo nó. Để tránh việc này bạn có thể thêm noresize="noresize" vào thẻ <frame>  
  
Thêm thẻ <noframes> cho trình duyệt không hỗ trợ frame.

**Một vài ví dụ nữa**

[Hoà trộn tập hợp frame](http://www.w3schools.com/html/tryit.asp?filename=tryhtml_frame_mix)  
Ví dụ này hướng dẫn bạn cách tạo một tập hợp frame với 3 tài liệu và làm cách nào để gộp nó vào thành hàng và cột.

[Tập hợp frame với noresize="noresize"](http://www.w3schools.com/html/tryit.asp?filename=tryhtml_frame_noresize)  
Ví dụ này chỉ ra cách sử dụng thuộc tính noresize. Frame trong ví dụ này không thể resize được. Di chuột vào đường biên ở giữa hai frame và bạn có thể nhận ra rằng bạn không thể di chuyển được đường biên.

[Navigation frame](http://www.w3schools.com/html/tryit.asp?filename=tryhtml_frame_navigation)  
Ví dụ này hướng dẫn bạn cách tạo ra một mục lục (navigation) bằng frame. Frame navigation chứa một danh sách những đường link và đích là ở frame thứ hai. Tài liệu "tryhtml\_contents.htm" chứa 3 đường link và code của đường link như sau

|  |
| --- |
| <a href ="frame\_a.htm" target ="showframe">Frame a</a><br> <a href ="frame\_b.htm" target ="showframe">Frame b</a><br> <a href ="frame\_c.htm" target ="showframe">Frame c</a> |

Frame thứ hai sẽ hiển thị nội dung của tài liệu được link.  
  
[Frame địa phương](http://www.w3schools.com/html/tryit.asp?filename=tryhtml_iframe)  
Frame ở trong một trang HTML

[Nhẩy đến một vùng nhất định trong một frame](http://www.w3schools.com/html/tryit.asp?filename=tryhtml_frame_jump)  
Ví dụ này chỉ bạn cách tạo 2 frame, Frame này chứa nguồn đến một phần cụ thể của một file. Phần cụ thể đó được tạo bởi <a name="c10"> trong file "link.htm"

[Nhảy đến một vùng nhất định với navigation frame](http://www.w3schools.com/html/tryit.asp?filename=tryhtml_frame_navigation2)  
Ví dụ này sẽ cho bạn thấy có 2 frame. Một frame là navigation frame (content.htm) ở bên trái bao gồm một danh sách các đường link với frame thứ 2 (link.htm) là đích đến. Frame thứ hai hiển thị tài liệu được link. Một trong các đường link ở navigation frame được liên kết đến một phần cụ thể ở file đích. Code HTML của file "content.htm" nhìn như sau: <a href="link.htm" target="showframe"> Link without Anchor</a><br><a href ="link.htm#C10" target ="showframe">Link with Anchor</a>.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Thẻ frame**   |  |  | | --- | --- | | **Tag** | **Mô Tả** | | [<frameset>](http://www.w3schools.com/html/html_reference.asp) | Kiểu a set of frames | | [<frame>](http://www.w3schools.com/html/html_reference.asp) | Kiểu a sub window (a frame) | | [<noframes>](http://www.w3schools.com/html/html_reference.asp) | Kiểu a noframe section for browsers that do not handle frames | | [<iframe>](http://www.w3schools.com/html/html_reference.asp) | Kiểu an inline sub window (frame) | | |

**Bảng HTML**  
Với HTML bạn cũng có thể tạo bẳng cho trang web của mình.  
  
Ví dụ

[Bảng](http://www.w3schools.com/html/tryit.asp?filename=tryhtml_tables)  
Ví dụ này chỉ bạn cách tạo một bẳng bằng HTML

[Đường biên của bảng](http://www.w3schools.com/html/tryit.asp?filename=tryhtml_table_borders)  
  
**Bảng**  
Bảng được định dạng bởi thẻ <table>. Một bảng được chia ra làm nhiều hàng với thẻ <tr>, môi hàng được chia ra làm nhiều cột dữ liệu với thẻ <td>. Cbữ td là chữ viết tắt của "table data", là nội dung của cột dữ liệu. Một cột dữ liệu có thể bao gồm chữ, hình ảnh, danh sách, đoạn vắn, form và bảng v.v.

|  |
| --- |
| <table border="1"> <tr> <td>row 1, cell 1</td> <td>row 1, cell 2</td> </tr> <tr> <td>row 2, cell 1</td> <td>row 2, cell 2</td> </tr> </table> |

Đoạn code trên sẽ hiển thị như thế này trong cửa sổ trình duyệt

|  |  |
| --- | --- |
| row 1, cell 1 | row 1, cell 2 |
| row 2, cell 1 | row 2, cell 2 |

**Bảng và thuộc tính đường biên**  
Nếu bạn không thiết lập thuộc tính đường biên cho bảng thì bảng của bạn sẽ được hiển thị mà không có đường biên. Đôi khi nó có thể hữu dụng nhưng thường thì bạn muốn bảng của bạn có đường biên.  
  
Để hiển thị đường biên của một bảng, bạn phải sử dụng thuộc tính đường biên.

|  |
| --- |
| <table border="1"> <tr> <td>Row 1, cell 1</td> <td>Row 1, cell 2</td> </tr> </table> |

**Heanding trong bảng**  
Heading trong một bảng được xác định bằng thẻ <th>

|  |
| --- |
| <table border="1"> <tr> <th>Heading</th> <th>Another Heading</th> </tr> <tr> <td>row 1, cell 1</td> <td>row 1, cell 2</td> </tr> <tr> <td>row 2, cell 1</td> <td>row 2, cell 2</td> </tr> </table> |

Nó sẽ hiển thị như thế này ở trên trình duyệt

|  |  |
| --- | --- |
| **Heading** | **Another Heading** |
| row 1, cell 1 | row 1, cell 2 |
| row 2, cell 1 | row 2, cell 2 |

**Cột trống trong bảng**  
Cột trống không có nội dung thì không được hiển thị tốt lắm ở hầu hết các trình duyệt.

|  |
| --- |
| <table border="1"> <tr> <td>row 1, cell 1</td> <td>row 1, cell 2</td> </tr> <tr> <td>row 2, cell 1</td> <td></td> </tr> </table> |

Nó sẽ có dạng thế này trên trình duyệt

|  |  |
| --- | --- |
| row 1, cell 1 | row 1, cell 2 |
| row 2, cell 1 |  |

Bạn chú ý rằng đường biên bao quanh cột trống bị mất (nhưng trong trình duyệt Mozilla Firefox nó sẽ hiển thị đường biên)

Để tránh điều này xảy ra, bạn thêm một non-breaking space (&nbsp;) vào cột trống đó, để làm cho đường biên của nó được hiện thỉ.

|  |
| --- |
| <table border="1"> <tr> <td>row 1, cell 1</td> <td>row 1, cell 2</td> </tr> <tr> <td>row 2, cell 1</td> <td>&nbsp;</td> </tr> </table> |

Nó sẽ hiển thị như sau ở trình duyệt

|  |  |
| --- | --- |
| row 1, cell 1 | row 1, cell 2 |
| row 2, cell 1 |  |

**Mẹo nhỏ giúp bạn**  
Loại thẻ <thead>,<tbody> and <tfoot> ít khi được sử dụng, bởi vì nó không phải là tính năng được

**Một vài ví dụ nữa**

[Bảng không có đường biên](http://www.w3schools.com/html/tryit.asp?filename=tryhtml_tables3)

[Headings trong bảng](http://www.w3schools.com/html/tryit.asp?filename=tryhtml_table_headers)

[Cột trống](http://www.w3schools.com/html/tryit.asp?filename=tryhtml_table_nbsp)  
Ví dụ này chỉ cho bạn cách sử dung "&nbsp;" để hiển thị cột không có nội dung.

[Bảng với viền ngoài](http://www.w3schools.com/html/tryit.asp?filename=tryhtml_tables2)

[Cột chiếm hơn một cột hoặc hàng](http://www.w3schools.com/html/tryit.asp?filename=tryhtml_table_span)

[Thẻ trong bảng](http://www.w3schools.com/html/tryit.asp?filename=tryhtml_table_elements)  
Ví dụ này hướng dẫn bạn cách hiển thị nội dung ở trong nội dung khác.

[Cell padding](http://www.w3schools.com/html/tryit.asp?filename=tryhtml_table_cellpadding)  
Ví dụ này hướng dẫn bạn cách tạo cellpadding để tạo ra nhiều khoảng trắng hơn giữa nội dung và đường biên của nó.

[Cell spacing](http://www.w3schools.com/html/tryit.asp?filename=tryhtml_table_cellspacing)  
Cách sử dụng cellspacing để tăng khoảng cách giữa các cột.  
  
[Thêm màu nền hoặc hình nền cho bảng](http://www.w3schools.com/html/tryit.asp?filename=tryhtml_table_background)

[Thêm màu nền hoặc hình nền cho cột](http://www.w3schools.com/html/tryit.asp?filename=tryhtml_table_cellbackground)

[Căn chỉnh nội dung của cột](http://www.w3schools.com/html/tryit.asp?filename=tryhtml_table_align)  
Hướng dẫn cách sử dụng thuộc tính "align" để căn chỉnh nội dung của cột, và tạo ra một bảng nhìn đẹp mắt hơn.

[Thuộc tính frame](http://www.w3schools.com/html/tryit.asp?filename=tryhtml_table_frame)  
Chỉ cách sử dụng thuộc tính "frame" để điều khiển đường biên của bảng.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Thẻ table**   |  |  | | --- | --- | | **Tag** | **Mô Tả** | | [<table>](http://www.w3schools.com/html/html_reference.asp) | Vẽ bảng | | [<th>](http://www.w3schools.com/html/html_reference.asp) | hàng đầu của bảng | | [<tr>](http://www.w3schools.com/html/html_reference.asp) | hàng trong bảng | | [<td>](http://www.w3schools.com/html/html_reference.asp) | ô trong hàng | | [<caption>](http://www.w3schools.com/html/html_reference.asp) | nhãn của bảng | | [<colgroup>](http://www.w3schools.com/html/html_reference.asp) | nhóm các cột | | [<col>](http://www.w3schools.com/html/html_reference.asp) | Định các thuộc tính của cột | | [<thead>](http://www.w3schools.com/html/html_reference.asp) | Hàng Đầu bảng | | [<tbody>](http://www.w3schools.com/html/html_reference.asp) | Thân của bảng | | [<tfoot>](http://www.w3schools.com/html/html_reference.asp) | Hàng cuối bảng | | |

**Danh sách HTML**  
HTML hỗ trợ những dạng danh sách theo thứ tự, không theo thứ tự và định nghĩa.  
  
Ví dụ

[Danh sách không theo thứ tự](http://www.w3schools.com/html/tryit.asp?filename=tryhtml_lists4)

[Danh sách theo thứ tự](http://www.w3schools.com/html/tryit.asp?filename=tryhtml_lists)  
  
Danh sách không theo thứ tự  
Danh sách không theo thứ tự là một danh sách các mục. Danh sách của các mục sẽ được đánh dấu bởi những bullet (dạng như gạch đầu dòng nhưng là một vòng tròn màu đen).  
  
Danh sách không theo thứ tự bắt đầu với thẻ <ul>. Mỗi một mục được bắt đầu với một thẻ <li>.

|  |
| --- |
| <ul> <li>www.bantayden.com</li> <li>www.vietphotoshop.com</li> </ul> |

Nó sẽ xuất hiện như thế này trong trình duyệt.

* [www.bantayden.com](http://www.bantayden.com)
* www.vietphotoshop.com

Ở giữa những mục trên bạn có thể chèn thêm chữ vào như là xuống hàng, hình ảnh, đường liên kết thậm chí là một danh sách khác.  
  
**Danh sách theo thứ tự**  
Danh sách theo thứ tự cũng là một dạng danh sách của các mục. Nhưng những mục trong đó được đánh dấu bởi số. Một danh sách theo thứ tự bắt đầu với thẻ <ol>. Mỗi mục được bắt đầu với thẻ <li>.

|  |
| --- |
| <ol> <li>www.bantayden.com</li> <li>www.vietphotoshop.com</li> </ol> |

Nó sẽ xuất hiện như thế này trong trình duyệt.

1. [www.bantayden.com](http://www.bantayden.com)
2. www.vietphotoshop.com

Ở giữa những mục trên bạn có thể chèn thêm chữ vào như là xuống hàng, hình ảnh, đường liên kết thậm chí là một danh sách khác.

**Danh sách dạng định nghĩa**  
Một danh sách dạng định nghĩa không phải là danh sách của các hạng mục. Nó là một danh sách của các thuật ngữ và những lời giải thích của thuật ngữ đó. Một danh sách định nghĩa bắt đầu với thẻ <dl>. Mỗi một thuật ngữ được bắt đầu với thẻ <dt>. Mỗi định nghĩa trong danh sách định nghĩa được bắt đầu bằng thẻ <dd>.

|  |
| --- |
| <dl> <dt>www.bantayden.com</dt> <dd>Tiền thân của vietphotoshop</dd> <dt>www.vietphotoshop.com</dt> <dd>Trang web chuyên về Photoshop cho người Việt</dd> </dl> |

Nó sẽ xuất hiện như sau trong trình duyệt  
  
[www.bantayden.com](http://www.bantayden.com)  
       Tiền thân của vietphotoshop  
*www.dainamelectric.com*  
       Trang web chuyên về Photoshop cho người Việt

Ở giữa những mục trên bạn có thể chèn thêm chữ vào như là xuống hàng, hình ảnh, đường liên kết thậm chí là một danh sách khác.  
  
**Một vài ví dụ nữa**

[Một vài dạng khác của danh sách theo thứ tự](http://www.w3schools.com/html/tryit.asp?filename=tryhtml_lists_ordered)

[Một vài dạng khác của danh sách không theo thứ tự](http://www.w3schools.com/html/tryit.asp?filename=tryhtml_lists_unordered)

[Nested list](http://www.w3schools.com/html/tryit.asp?filename=tryhtml_lists2)

[Nested list 2](http://www.w3schools.com/html/tryit.asp?filename=tryhtml_nestedlists2)

[Danh sách dạng định nghĩa](http://www.w3schools.com/html/tryit.asp?filename=tryhtml_lists3)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Những thẻ danh sách**   |  |  | | --- | --- | | **Tag** | **Mô Tả** | | [<ol>](http://www.w3schools.com/html/html_reference.asp) | Danh sách có sấp xếp | | [<ul>](http://www.w3schools.com/html/html_reference.asp) | Danh sách không sáp xếp | | [<li>](http://www.w3schools.com/html/html_reference.asp) | 1 phần tử trong danh sách | | [<dl>,<dt>,<dd>](http://www.w3schools.com/html/html_reference.asp) | Kiểu danh sách | | [<dir>](http://www.w3schools.com/html/html_reference.asp) | Hết hỗ trợ. Dùng<ul> thay thế | | [<menu>](http://www.w3schools.com/html/html_reference.asp) | Hết hỗ trợ. Dùng<ul> thay thế | | |

**HTML form và trường nhập liệu.**  
HTML form được sử dụng để chọn những dữ liệu nhập vào khác nhau của người dùng.  
  
Ví dụ

[Text fields](http://www.w3schools.com/html/tryit.asp?filename=tryhtml_input)  
Cách tạo những trường chữ trong một trang HTML. Người dùng có thể viết chữ trong trường chữ.  
  
[Trường mật khẩu](http://www.w3schools.com/html/tryit.asp?filename=tryhtml_inputpassword)  
  
**Form**  
Một form là một vùng mà nó bao gồm những thành phần của form. Thành phần của form là những thành phần cho phép người dùng có thể điền thông tin như là trường chữ, menu thả xuống, nút radio, và các hộp kiểm vào một form.  
  
Một form được xác định bởi thẻ <form>

|  |
| --- |
| <form> <input> <input> </form> |

**Nhập liệu**  
Thẻ form được sử dụng nhiều nhất là thẻ <input>. Loại dữ liệu nhập vào sẽ được xác định bởi thuộc tính của nó. Những trường nhập liệu được sử dụng nhiều nhất được giải thích ở dưới đây.  
  
**Text field**  
Text field được sử dụng khi bạn muốn người dùng đánh chữ, số v.v.. vào một form.

|  |
| --- |
| <form> First name:  <input type="text" name="firstname"> <br> Last name:  <input type="text" name="lastname"> </form> |

Nó sẽ xuất hiện như sau trong trình duyệt  
  
First name:   
Last name:   
  
Bạn chú ý rằng bản thân của form thì bị ẩn đi. Hơn nữa trên hầu hết các trình duyệt trường text được mặc định là 20 ký tự.  
  
**Nút radio**  
Nút radio được sử dụng khi bạn muốn người dùng chọn một trong những lựa chọn bạn đưa ra.

|  |
| --- |
| <form> <input type="radio" name="sex" value="male"> Male <br> <input type="radio" name="sex" value="female"> Female </form> |

Nó sẽ xuất hiện như sau trên trình duyệt  
  
Male   
Female   
  
Chú ý rằng chỉ có một lựa chọn có thể được chọn.  
  
**Hộp kiểm**  
Hộp kiểm được sử dụng khi bạn muốn người chọn có thể chọn nhiều lựa chọn hơn.

|  |
| --- |
| <form> <input type="checkbox" name="bike"> I have a bike <br> <input type="checkbox" name="car"> I have a car </form> |

Nó sẽ như sau trong trình duyệt  
  
I have a bike   
I have a car  
  
**Thuộc tính hoạt động cùa form và nút Submit.**  
Khi người dùng nhấp chuột vào nút "submit", nội dung của form đó sẽ được gửi đến một tệp tin khác. Thuộct ính hoạt động của form xác định tên của file mà nó sẽ gửi nội dung đến. Tệp tin đó được xác định trong thuộc tính hoạt động của form và thường thì nó sẽ có những hành động với dữ liệu nó nhận được.

|  |
| --- |
| <form name="input" action="html\_form\_action.asp" method="get"> Username:  <input type="text" name="user"> <input type="submit" value="Submit"> </form> |

Trong trình duyệt nó nhìn như sau  
  
Username:   
  
Khi bạn gõ tên bạn vào trường chữ ở trên và nhấp vào nút Submit, bạn sẽ gửi thông tin đó vào một trang gọi là "html\_form\_action.asp". Trang đó sẽ chỉ cho bạn thấy dữ liệu nhận được.

**Thêm một vài ví dụ**

[Hộp kiểm](http://www.w3schools.com/html/tryit.asp?filename=tryhtml_checkbox)

[Radio buttons](http://www.w3schools.com/html/tryit.asp?filename=tryhtml_radio)

[Menu thả xuống](http://www.w3schools.com/html/tryit.asp?filename=tryhtml_select2)

[Một dạng menu thả xuống khác](http://www.w3schools.com/html/tryit.asp?filename=tryhtml_select3)

[Vùng chữ](http://www.w3schools.com/html/showit.asp?filename=tryhtml_textarea)  
  
[Tạo một nút bấm](http://www.w3schools.com/html/tryit.asp?filename=tryhtml_button)

[Fieldset xung quanh dữ liệu](http://www.w3schools.com/html/tryit.asp?filename=tryhtml_legend)

**Ví dụ về form**

[Form với trường nhập liệu và nút Submit](http://www.w3schools.com/html/tryit.asp?filename=tryhtml_form_submit)  
Cách chèn form vào một trang, form chứa 2 trường nhập liệu và một nút submit.

[Form với hộp kiểm](http://www.w3schools.com/html/tryit.asp?filename=tryhtml_form_checkbox)

[Form với radio buttons](http://www.w3schools.com/html/tryit.asp?filename=tryhtml_form_radio)

[Gửi email từ một form](http://www.w3schools.com/html/tryit.asp?filename=tryhtml_form_mail)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Thẻ của form**   |  |  | | --- | --- | | **Tag** | **Mô Tả** | | [<form>](http://www.w3schools.com/html/html_reference.asp) | Kiểu form để nhập thông tin | | [<input>](http://www.w3schools.com/html/html_reference.asp) | Một ô nhập liệu | | [<textarea>](http://www.w3schools.com/html/html_reference.asp) | Vùng nhập liệu có nhiều hàng | | [<label>](http://www.w3schools.com/html/html_reference.asp) | Nhãn | | [<fieldset>](http://www.w3schools.com/html/html_reference.asp) | Nhóm các vùng nhập với nhau | | [<legend>](http://www.w3schools.com/html/html_reference.asp) | nhản của 1 fieldset | | [<select>](http://www.w3schools.com/html/html_reference.asp) | Danh sách chọn | | [<optgroup>](http://www.w3schools.com/html/html_reference.asp) | nhóm các phần tử trong danh sách chọn | | [<option>](http://www.w3schools.com/html/html_reference.asp) | 1 phần tử trong danh sách chọn | | [<button>](http://www.w3schools.com/html/html_reference.asp) | Nút bấm | | <isindex> | Hết hỗ trợ. Dùng <input> thay thế | | |

**Hình ảnh trong HTML**  
Với HTML bạn có thể thể hiện hình ảnh trong tài liệu.  
  
Ví dụ

[Chèn hỉnh ảnh](http://www.w3schools.com/html/tryit.asp?filename=tryhtml_images)  
Cách cho hiển thị một tấm hình trên trang web.  
[Chèn hình ảnh từ những vị trí khác](http://www.w3schools.com/html/tryit.asp?filename=tryhtml_images2)  
Cách hiện một hoặc nhiều tấm hình từ một thư mục khác hoặc từ một server khác trên trang web của bạn.

**Thẻ Image và thuộc tính src**  
Trong HTML, hình ảnh được xác định bởi thẻ <img>. Để hiển thị một hình trên trang web, bạn cần phải sử dụng thuộc tính src. Src là chữ viết tắt của source. Giá trị của thuộc tính src là địa chỉ URL của hình ảnh mà bạn muốn hiển thị trên trang web.

Cú pháp để xác định một tấm hình

|  |
| --- |
| <img src="url"> |

Địa chỉ URL chỉ đến điểm mà hình ảnh được lưu trữ. Một file hình có tên là "boat.gif" được đặt ở thư mục images trên [www.bantayden.com](http://www.bantayden.com) có địa chỉ URL là: <http://www.bantayden.com/images/boat.gif>

Trình duyệt sẽ hiển thị hình ảnh nơi mà có thẻ image được chèn trong tài liệu. Nếu bạn muốn thêm thẻ image vào giữa một đoạn văn, trình duyệt sẽ hiển thị đoạn văn thứ nhất trước, sau đó đến hình và sau cùng là đoạn văn thứ hai.  
  
**Thuộc tính Alt**  
Thuộc tính alt được sử dụng để xác định chữ thay cho hình. Bởi vì nếu hình đó không hiện được thì một dòng chữ sẽ xuất hiện để báo cho người đọc biết. Gía trị của thuộc tính alt là một dòng chữ như sau:

|  |
| --- |
| <img src="boat.gif" alt="Big Boat"> |

Thuộc tính alt báo cho người đọc biết họ không xem được hình gì khi mà trình duyệt không load được hình đó. Trình duyệt sau đó sẽ hiển thị dòng chữ thay vì hình ảnh. Bạn nên tạo cho mình thói quen thêm thuộc tính "alt" vào mỗi tấm hình trên một trang, để tăng khả năng hiển thị và giúp những người lướt web mà không dùng hình ảnh.

**Một vài ví dụ**

[Hình nền](http://www.w3schools.com/html/tryit.asp?filename=tryhtml_bodybgimg)

[Căn chỉnh hình ảnh](http://www.w3schools.com/html/tryit.asp?filename=tryhtml_image_align)

[Để hình ảnh "bơi lội" tự do](http://www.w3schools.com/html/tryit.asp?filename=tryhtml_image_float)

[Điều chỉnh hình với kích cỡ khác nhau](http://www.w3schools.com/html/tryit.asp?filename=tryhtml_images_adj)

[Hiển thị chữ thay thế cho tấm hình](http://www.w3schools.com/html/tryit.asp?filename=tryhtml_images_alt)

[Tạo siêu liên kết cho tấm hình](http://www.w3schools.com/html/tryit.asp?filename=tryhtml_imglink)

[Tạo image map](http://www.w3schools.com/html/tryit.asp?filename=tryhtml_areamap)  
Cách tạo một image map, với những vùng có thể click được. Mỗi một vùng của hình là một đường liên kết.  
  
[Biến tấm hình thành image map](http://www.w3schools.com/html/tryit.asp?filename=tryhtml_ismap)  
Cách biến một tấm hình thành một image map. Bạn sẽ thấy nếu bạn di chuyển con chuột lên trên tấm hình, góc phần tư sẽ xuất hiện trên thanh trạng thái.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Thẻ Image**   |  |  | | --- | --- | | **Tag** | **Mô Tả** | | [<img>](http://www.w3schools.com/html/html_reference.asp) | Hình ành | | [<map>](http://www.w3schools.com/html/html_reference.asp) | Định nghĩa map ( sơ đồ trên 1 hình) | | [<area>](http://www.w3schools.com/html/html_reference.asp) | Định Area, 1 vùng nhỏ tương ứng trên sơ đồ | | |

**HTML Background**  
Một background đẹp có thể làm cho trang của bạn nhìn đẹp mắt hơn.

Ví dụ  
  
[Hình nền đẹp](http://www.w3schools.com/html/tryit.asp?filename=tryhtml_back_img)  
  
[Hình nền đẹp 2](http://www.w3schools.com/html/tryit.asp?filename=tryhtml_back_img2)

[Hình nền xấu](http://www.w3schools.com/html/tryit.asp?filename=tryhtml_back_imgbad)  
  
**Backgrounds**  
Thẻ <body> có hái thuộc tính nơi mà bạn có thể chọn loại background cho mình. Background có thể là một màu hoặc là một tấm hình.  
  
**Bgcolor**  
Thuộc tính bgcolor thiết lập hình nền là một màu. Giá trị của thuộc tính này là hệ số hexadecimal, một giá trị màu RGB hoặc một tên màu

|  |
| --- |
| <body bgcolor="#000000"> <body bgcolor="rgb(0,0,0)"> <body bgcolor="black"> |

Dòng code trên cùng thiết lập hình nền thành màu đen.  
 **Background**  
Thuộc tính background thiết lập một tấm hình làm hình nền. Giá trị của thuộc tính này là địa chỉ URL của tấm hình bạn muốn sử dụng. Nếu một tấm hình nhở hơn so với cửa sổ trình duyệt, tấm hình đó sẽ tự nhân lên đến khi nào nó che phủ hết cửa sổ trình duyệt.

|  |
| --- |
| <body background="clouds.gif"> <body background="http://www.w3schools.com/clouds.gif"> |

Địa chỉ URL có thể là tương đối như là ở dòng code thứ nhất hoặc tuyệt đối như là ở dòng thứ 2.  
  
***Chú ý:*** nếu bạn muốn sử dụng hình nền, bạn nên nhớ rằng:

* Hình nền đó có làm giảm tốc độ load của trang nhiều không? thường thì hình được chọn làm hình nền không nên vượt quá 10K.
* Hình nền đó có hợp với các hình khác trên trang không?
* Hình nền đó có hợp với chữ không?
* Hình nền đó nhìn có đẹp không nếu nó chỉ có một mình
* Hình nền đó có làm cho người đọc mất tập trung không?

**Mẹo nhỏ giúp bạn**

* Một số ít những trang web có sử dụng hình nền bằng hình ảnh
* Hầu hết các site sử dụng hình nền là màu trắng, đen hoặc xám.